

Số: 849/QĐ-KHCN

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 1 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ và kinh phí thực hiện đề tài NCKH cấp Trường
của sinh viên năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành quy định nhiệm vụ quyền hạn của ĐHTN, các cơ sở giáo dục thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-ĐHNL ngày 31/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành quy định về công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-KHCN ngày 04/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về việc Phê duyệt danh mục đề tài NCKH cấp Trường của sinh viên năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng KHCN&HTQT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ và kinh phí sự nghiệp KHCN cho các chủ nhiệm đề tài NCKH cấp Trường của sinh viên năm 2018 (danh mục kèm theo) từ nguồn kinh phí của Nhà trường với tổng kinh phí: **230.000.000,0đ** (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Điều 2. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm:

1. Triển khai các nội dung của đề tài theo đúng thuyết minh và hợp đồng được phê duyệt;
2. Thanh quyết toán kinh phí được cấp theo năm tài chính và quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị, bộ phận chức năng, giáo viên hướng dẫn và các chủ nhiệm các đề tài có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *lgb*

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHTC, KHCN.



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Văn Điền

DANH MỤC ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG CỦA SINH VIÊN NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 849/QĐ/KHCN ngày 17/1/18 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

TT	Tên đề tài	Chủ nhiệm, GVHD	Kinh phí (triệu đồng)
1. Khoa Khoa học Môi trường (6 đề tài)			30
1.	T2018-01SV Nghiên cứu ứng dụng biến tính tan hoạt tính trên phế phẩm nông nghiệp từ cây ngô để xử lý nước thải bệnh viện.	Nguyễn Thị Hải Linh, K47 KHMT GVHD: ThS. Hoàng Quý Nhân	5
2.	T2018-02SV Nghiên cứu sự chuyển hóa của N, P, K trong quy trình sản xuất phân hữu cơ từ bùn thải đô thị thành phổ Thái Nguyên	Hà Văn Trí, KHMT K47 GVHD: ThS. Đặng Thị Hồng Phương	5
3.	T2018-03SV Nghiên cứu xử lý amoni trong nước cấp sinh hoạt bằng phương pháp lọc sinh học ngập nước	Nguyễn Thị Trang, KHMT K47 GVHD: ThS. Đặng Thị Hồng Phương	5
4.	T2018-04SV Nghiên cứu loại bỏ một phần khí tạp (CO_2 , H_2S , NH_3) trong hỗn hợp khí sinh học phát sinh từ bể xử lý chất thải chăn nuôi để nâng cao chất lượng khí đốt trong xử lý yếm khí	Đặng Thị Phương Thanh, KHMT K48 GVHD: TS Dư Ngọc Thành	5
5.	T2018-05SV Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải chứa hóa chất bảo vệ thực vật tại vùng chuyên canh chè Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	Trần Khánh Hậu, K48 KHMT GVHD: TS. Nguyễn Thanh Hải	5
6.	T2018-06SV Nghiên cứu khả năng thu sương (hoi) làm nước sạch của một số sợi tự nhiên.	Phạm Như Quỳnh K46 KHMT GVHD: TS. Trần Hải Đăng	5
2. Khoa Nông học (1 đề tài)			10
7.	T2018-07SV Duy trì sinh trưởng, phát triển của 4 giống cây ăn quả và cảnh quan phục vụ công tác tham quan, học tập, quảng bá hình ảnh trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên tại khu di tích lịch sử Pác Bó - Cao Bằng	Đỗ Văn Nhật K48 TT GVHD: TS. Hà Minh Tuấn	10

3. Khoa KT & PTNT (6 đề tài)			30
8.	T2018-10SV Tìm hiểu về hoạt động đầu tư sản xuất nông nghiệp tại các công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Cà Thị Sơn KTN 47 N01 GVHD: ThS. Chu Thị Hà	5
9.	T2018-11SV Phân tích những rào cản trong sản xuất rau an toàn trên địa bàn phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Hoàng Thảo Nguyên 47KTPNT GVHD: Nguyễn Văn Tâm	5
10.	T2018-12SV Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao thu nhập cho các hộ trồng được liệu tại xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Trần Thị Hương 47 KTN 02 GVHD: Lưu Thị Thuý Linh	5
11.	T2018-13SV Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sản xuất lúa Bao thai trên địa bàn xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Hoàng Đỗ Quỳnh 47 PTNT N02 GVHD: Đặng Thị Bích Huệ	5
12.	T2018-14SV Giải pháp phát triển làng nghề "Bánh chưng bờ đậu" tại xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Lý A Cửa 48 PTNT GVHD: Nguyễn Thị Giang	5
13.	T2018-15SV Xây dựng và phát triển hoạt động marketing trực tuyến cho HTX Nấm Quyết Thắng	Phạm Thị Thu Hương 47 KTN 01 GVHD: Nguyễn Thị Hiền Thương	5
4. Khoa CNSH & CNTP (2 đề tài)			10
14.	T2018-17SV Nghiên cứu tạo dung dịch dinh dưỡng thủy canh (H-Tuaf) cho một số loại cây rau.	Dương Thị Tuyết GVHD: TS. Nguyễn Tiến Dũng	5
15.	T2018-18SV Xây dựng quy trình sản xuất bột lá gai nhằm ứng dụng trong sản xuất bánh gai	Lương Thị Kim Anh GVHD: ThS. Nguyễn Thị Đoàn	5
5. Khoa Quản lý tài nguyên (07 đề tài)			35
16.	T2018-19SV Điều tra chất lượng nước ngầm và ứng dụng GIS trong việc xây dựng bản đồ chuyên đề phục vụ cho công tác đánh giá chất lượng nước ngầm tại khu vực phía Tây – Bắc thành phố Thái Nguyên	Đỗ Thị Thu Hoài Lớp 47 QLTN & MT GVHD: ThS. Phạm Văn Tuấn	5

17.	T2018-20SV Ứng dụng GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu về khu di tích lịch sử ATK Định Hóa nhằm quảng bá và phát triển du lịch huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.	Trần Hoàng Sơn Lớp 47QLDD N02 GVHD: Ths. Ngô Thị Hồng Gấm	5
18.	T2018-21SV Xây dựng hệ thống thông tin các khách sạn, nhà hàng trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Dương Thủy Tiên 47 QLTNMT GVHD: TS. Nguyễn Quang Thi	5
19.	T2018-22SV Nghiên cứu dự báo hạn hán, lũ lụt trong điều kiện biến đổi khí hậu tại lưu vực sông Phú Lương bằng mô hình SWAT và GIS	Trần Hồng Anh; QLDD 47 N02 GVHD: PGS TS Phan Đình Bình	5
20.	T2018-23SV Nghiên cứu phát triển du lịch tại đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	Phạm Thị Thanh Mai QLDD 47 N03 GVHD: PGS. Nguyễn Khắc Thái Sơn	5
21.	T2018-24SV Ứng dụng GIS để quản lý khu vực sạt lở đất thuộc xã Huồi Lũng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên	Giảng A Phong QLDD 47 N03 GVHD: TS. Nguyễn Ngọc Anh	5
22.	T2018-25SV Đánh giá hiệu quả kinh tế của việc chuyển đổi đất trồng cây hàng năm sang trồng hoa đào tại địa bàn phường Cam Giá	Trần Ngọc Quỳnh ĐCMT 47 GVHD: TS. Vũ Thị Thanh Thủy	5
6. Khoa Lâm nghiệp (5 đề tài)			25
23.	T2018-26SV Ứng dụng một số mô hình toán học trong thống kê lâm nghiệp (SPSS, R, STATA,...) mô phỏng cấu trúc rừng tại vườn quốc gia Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.	Nguyễn Đức Hải 47 Lâm nghiệp GVHD: Lục Văn Cường	5
24.	T2018-27SV Điều tra cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Dao tại xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.	Nguyễn Minh Hiếu 47 STBTSH GVHD: Nguyễn Thị Thu Hiền	5
25.	T2018-28SV Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ trồng tới sinh trưởng, phát triển loài cây Dâu mèo tại mô hình khoa Lâm Nghiệp trường Đại học Nông Lâm	Lò Văn Nhan 47 STBTSH GVHD: La Thu Phương	5
26.	T2018-29SV Thực trạng các loài cây được liệu quý hiếm tại xã Linh Thông, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.	Nông Thanh Hưng 47 NLKH GVHD: Bùi Thị Hiếu	5
27.	T2018-30SV Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống Trà hoa vàng (<i>Camellia chrysantha</i>) bằng phương pháp giâm hom.	Hoàng Linh Chi 47 QLTNR GVHD: Nguyễn Thị Thu Hoàn	5

7. Khoa Chăn nuôi thú y (17 đề tài)			85
28.	T2018-31SV Nghiên cứu ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm sinh học "Milk feed" đến khả năng sinh trưởng và chuyển hóa thức ăn của gà Ri lai nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Đặng Thị Minh Lóp TY47 N02 GVHD: TS. Nguyễn Văn Sửu	5
29.	T2018-32SV Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm sinh học "Milk feed" đến khả năng sinh trưởng và chuyển hóa thức ăn của gà Ai Cập giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Lý Dương CNTY48 N01 GVHD: ThS. Nguyễn Hữu Hòa	5
30.	T2018-33SV Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm sinh học "Respol" đến khả năng sinh trưởng và chuyển hóa thức ăn của gà LV giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Mã Thị Kim Thoa CNTY47 N01 GVHD: TS. Cù Thị Thúy Nga	5
31.	T2018-34SV Nghiên cứu xác định tỷ lệ bổ sung men vi sinh TUAF-Saccha thích hợp vào khẩu phần ăn cho gà Ai Cập giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi Trường ĐHNL	SV: Bùi Mai Lan CNTY48 N02 GVHD: Nguyễn Thu Quyên	5
32.	T2018-35SV Nghiên cứu ảnh hưởng của bổ sung bột lá chùm ngây đến khả năng sinh trưởng và chuyển hóa thức ăn của gà Ai Cập giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Nguyễn Duy Tình TY48 N01 GVHD: ThS. Đỗ Thị Lan Phương	5
33.	T2018-36SV Nghiên cứu ảnh hưởng của bổ sung bột lá chè đại đến khả năng sinh trưởng và chuyển hóa thức ăn của gà LV giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Lâm Thị Phương Thảo TY48 N02 GVHD: ThS. Nguyễn Thị Minh Thuận	5
34.	T2018-37SV Ảnh hưởng của bổ sung bột lá chùm ngây đến khả năng sinh sản của gà Ai Cập nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Trần Trung Hải TY46 N01 GVHD: PGS. TS. Từ Trung Kiên	5
35.	T2018-38SV Ảnh hưởng của bổ sung bột lá chè đại đến khả năng sinh sản của gà LV nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Ngô Quang Trung CNTY48 N03 GVHD: TS. Trần Thị Hoàn	5
36.	T2018-39SV Nghiên cứu ảnh hưởng của các tỷ lệ bột tỏi trong khẩu phần đến khả năng sinh trưởng và kháng bệnh của gà Ai Cập giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Nguyễn Thị Quỳnh Trang TY48 N03 GVHD: TS. Hồ Thị Bích Ngọc	5

37.	T2018-40SV Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm sinh học “Milk feed” đến khả năng phòng và kháng bệnh đường tiêu hóa và hô hấp của gà Ai Cập giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Nguyễn Thị Trang TY47N04 GVHD: ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương	5
38.	T2018-41SV Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm sinh học “Respol” đến khả năng phòng và kháng bệnh đường tiêu hóa và hô hấp của gà LV giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Lương Thị Minh Thuận TY48 N07 GVHD: TS. Nguyễn Thu Trang	5
39.	T2018-42SV Tình hình nhiễm bệnh cầu trùng trên đàn gà Ai Cập giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm và biện pháp phòng trị	SV: Dương Thành Trung 48 TYN04 GVHD: TS. Phạm Diệu Thùy	5
40.	T2018-43SV Tình hình nhiễm bệnh cầu trùng trên đàn gà LV giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm và biện pháp phòng trị	SV: Phạm Xuân Công 48 Dược-TY GVHD: TS. La Văn Công	5
41.	T2018-44SV Tình hình mắc bệnh CRD trên đàn gà LV giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm và biện pháp phòng trị	SV: Nguyễn Thị Bình TY48 N05 GVHD: Trần Nhật Thắng	5
42.	T2018-45SV Tình hình mắc bệnh CRD trên đàn gà Ai Cập giai đoạn hậu bị nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm và biện pháp phòng trị	SV: Nguyễn Thị Kim Hồng TY48 N06 GVHD: TS. Đặng Thị Mai Lan	5
43.	T2018-46SV Đánh giá năng suất sinh sản của gà Ai Cập nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Lê Văn Hoan 47 CNTY-POHE GVHD: TS. Nguyễn Thị Thúy Mỹ	5
44.	T2018-47SV Đánh giá năng suất sinh sản của gà LV nuôi tại Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng vật nuôi, Trường Đại học Nông Lâm	SV: Hoàng Văn Hoàn CNTY48 POHE GVHD: TS. Hà Văn Doanh	5
8. Văn phòng Đào tạo Chất lượng cao (1 đề tài)			
45.	T2018-48SV Nghiên cứu ứng dụng nano bạc để xử lý một số chất hữu cơ trong nước ô nhiễm	Nguyễn Kim Luyến GVHD1: Dương Văn Tháo – ĐHNL GVHD 2: Văn Hữu Tập - ĐH Khoa Học	5

(Tổng số 45 đề tài, kinh phí Nhà trường cấp 230 triệu đồng)

